**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CÔNG NGHỆ 7**

**HỌC KÌ 2**

**A. LÝ THUYẾT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Nội dung** | **Kiến thức cần nhớ** |
| **Chăn nuôi và thủy sản** | **Giới thiệu chung về chăn nuôi** | -        Vai trò: cung cấp thực phẩm, nguyên liệu cho một số ngành công nghiệp, sức kéo, phân bón và tạo việc làm  -        Triển vọng: sản xuất hàng hóa theo mô hình khép kín, áp dụng công nghệ tiến tiến nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, phát triển bền vững tạo ra sản phẩm có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu  -        Một số giống vật nuôi phổ biến ở Việt Nam  + một số vât nuôi bản địa: lợn Móng Cái, lợn Sóc, gà Ri, dê cỏ, …  + một số vật nuôi ngoại nhập: lợn Landrace, gà Ross 308, …  -        Các phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam: nuôi chăn thả tự do, nuôi công nghiệp, nuôi bán công nghiệp  -        Một số ngành nghề trong chăn nuôi: nghề chăn nuôi, nghề thú y, nghề chọn tạo giống vật nuôi |
| **Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi** | -        Vai trò  + Vật nuôi khỏe mạnh có sức đề kháng tốt chống lại bệnh tật  + Vật nuôi sinh trưởng và phát triển tốt, tạo ra sản phẩm chất lượng cao.  + Vật nuôi sinh sản có khả năng sinh sản tốt cho ra số lượng con nhiều và chất lượng đàn con tốt.  => Nuôi dưỡng và chăm sóc có ý nghĩa quan trọng để nâng cao năng suất và chất lượng vật nuôi.  -        Vật nuôi đực giống  + chăm sóc: cho vật nuôi vậ động; tiêm vaccine và vệ sinh phòng bệnh; kiểm tra thể trọng và tinh dịch  + nuôi dưỡng: cho ăn thức ăn phù hợp và đủ chất dinh dưỡng  -        Vật nuôi cái sinh sản: giai đọn hậu bị, giai đoạn mang thai, giai đoạn nuôi con ở gia súc và giai đoạn đẻ trứng ở gia cầm  -        Vật nuôi non: chức năng của cơ quan tiêu hóa chưa hoàn thiện; khả năng điều tiết thân nhiệt chưa hoàn chỉnh; cường độ sinh trưởng lớn; khả năng miễn dịch yếu; thường bị thiếu máu |
| **Phòng và trị bệnh cho vật nuôi** | -        Khái niệm bệnh: là sự rối loạn hoạt động chức năng bình thường của cơ thể vât nuôi do tác động của các yếu tố gây bệnh khác nhau  -        Nguyên nhân gây bệnh:  + động vật giảm sức đề kháng  + môi trường bất lợi cho động vât và thuận lơi cho các tác nhân gây bệnh  + tác nhân gây bệnh:  ·        Bên trong (di truyền)  ·        Bên ngoài: cơ học (chấn thương, tai nạn,…), lí học (nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp, dòng điện, tia phóng xạ,…), hóa học (ngộ độc acid, kiềm, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ,…), sinh học (vi sinh vật, kí sinh trùng, …)  -        Các biện pháp phòng, trị bệnh  + phòng bệnh cho vât nuôi  + phòng bệnh bằng vaccine  + trị bệnh cho vật nuôi  -        Vệ sinh trong chăn nuôi  + vệ sinh chuồng và dụng cụ chăn nuôi  + vệ sinh thức ăn và nước uống trong chăn nuôi  + vệ sinh thân thể vật nuôi  + quản lí chất thải chăn nuôi |
|  | **Giới thiệu chung về nuôi trồng thủy sản** | -        Vai trò: cung cấp thực phẩm giàu đạm, giàu acid béo omega-3 giúp giảm thiểu các bệnh về tim mạch; cung cấp nguyên liệu cho chế biến và xuất khẩu; cung cấp nguyên liệu cho ngành dược mĩ phẩm; phụ phẩm trong quá trình chế biến có thể làm thức ăn cho chăn  nuôi; tạo việc là và thu nhập cho người dân  -        Một số loại thủy sản có giá trị kinh tế: cá tra, cá rô phi, nghêu, cá chẽm, tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá chép |
| **Quy trình nuôi cá nước ngọt trong ao** | Quy trình:  -        Chuẩn bị ao nuôi: thiết kế ao, cải tạo ao nuôi  -        Thả cá giống  -        Chăm sóc và quản lí cá sau khi thả: quản lí thức ăn cho cá; quản lí chất lượng nước ao nuôi; quản lí sức khỏa cá  -        Thu hoạch: thu tỉa, thu toàn bộ |
| **Quản lí môi trường ao nuôi và phòng, trị bệnh thủy sản** | -        Biện pháp quản lí môi trường ao nuôi thủy sản:  + thiết kế ao không có góc chết, tạo dòng chảy tự nhiên trong nước  + thường xuyên kiểm tra các yếu tố môi trường nước  + sục khí, quạt nước, phun mưa khi cần  + điều chỉnh mật độ nuôi; lượng thức ăn phù hợp  + bơm thêm nước vào ao, thay nước sạch cải thiện môi trường nuôi; tăng tốc độ dòng chảy trong ao  + sử dung chế phẩm sinh học xử lí nước ao  -        Biện pháp phòng, trị bệnh:  + nâng cao sức đề kháng của động vật thủy sản  + ngăn chặn sự xâm nhập của mầm bệnh  + trị bệnh |
|  | **Bảo vệ môi trường nuôi và nguồn lợi thủy sản** | -        Biện pháp bảo vệ môi trường nuôi thủy sản:  + xử lí các nguồn nước thải  + kiểm soát môi trường nuôi thủy sản  -        Biện pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản:  + khai thác thủy sản hợp lí  + tái tạo nguồn lợi thủy sản  + bảo vệ đường di cư của các loài thủy sản  + bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sản  + bảo vệ rừng ngập mặn, phát triển các khu bảo tồn biển, các khu bảo tồn nội địa |

**B. HỆ THỐNG CÂU HỎI, BÀI TẬP**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1**. Đâu là vai trò của chăn nuôi?

A. Cung cấp thịt, trứng, sữa cho con người.

B. Cung cấp nguyên liệu cho sản xuất muối ăn.

C. Cung cấp lương thực cho con người.

D. Cung cấp cấp nguyên liệu cho nhà máy chế biến đồ uống. .

**Câu 2.** Biểu hiện thường thấy khi vật nuôi bị bệnh?

A. Lớn nhanh, đẻ nhiều B. Ăn khỏe, ngủ khỏe

C. Mệt mỏi, ủ rũ D. Nhanh nhẹn, hoạt bát.

**Câu 3.** Nhóm vật nào sau đây là vật nuôi phổ biến ở nước ta.

A. Lợn gà, khỉ, sư tử. B. Trâu bò, hổ, gấu.

C. Lợn gà, trâu, bò, ngan, vịt. D. Trâu, bò, tê giác, voi

**Câu 4.** Đâu là đặc điểm củaGà Đông tảo .

A. Mào hạt đậu . B. Có đôi chân to, thô lớn.

C. Có lông màu đen . D. Lông trắng, mào cờ.

**Câu 5**. Bác sĩ thú y làm những công việc nào?

1. Làm nhiệm vụ chọn giống vật nuôi.
2. Là người chế biến thức ăn chăm sóc cho vật nuôi.
3. Là người làm nhiệm vụ phòng bệnh, khám bệnh và chữa bệnh cho vật nuôi.
4. Làm nhiệm vụ nhân giống vật nuôi.

**Câu 6.** Việc nuôi dưỡng vật nuôi có vai trò gì?

A. Cung cấp cho vật nuôi đủ chất dinh dưỡng .

B. Cung cấp cho vật nuôi đủ chất dinh dưỡng, đủ lượng phù hợp với từng giai đoạn và từng đối tượng.

C. Để tạo ra môi trường trong chuông nuôi phù hợp .

D. Vệ sinh chuồng nuôi sạch sẽ.

**Câu 7**. Những thủy sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta là

A. Tôm hùm, cá song, cá tra, cá ba sa. B. Cá trắm, cá chép, cá mè.

C. Cua, tép  D. Ốc, hến.

**Câu 8.** Chuẩn bị cá giống cần đảm bảo yêu cầu nào?

A.Cần đồng đều khỏe mạnh, không mang mầm bệnh

B Cần có mầu sắc tươi sáng

C. Nhanh nhẹn, kích thước phù hợp

D. Cần đồng đều khỏe mạnh, không mang mầm bệnh, cần có màu sắc tươi sáng. Nhanh nhẹn, kích thước phù hợp.

**Câu 9**. Biểu hiện nào của động vật thủy sản không bị bệnh?

A. Cá bơi mất thăng bằng B. Cá lên ăn đều

C. Cá có vết lở loét trên cơ thể D. Tôm bị thay đổi màu sắc cơ thể

**Câu 10.** Người ta thường phòng trị bệnh cho cá bằng cách nào sau đây?

A. Trộn thuốc vào thức ăn của cá. B. Tiêm thuốc cho cá.

C. Bôi thuốc cho cá. D. Cho cá uống thuốc.

**Câu 11.** Quy trình chuẩn bị ao nuôi cá là.

1. Tát cạn ao, hút bùn và làm vệ sinh ao, phới đáy ao, bắt sạch cá còn sót lại, lấy nước mới vào ao, rắc vôi khử trùng ao

B. Tát cạn ao,bắt sạch cá còn sót lại, hút bùn và làm vệ sinh ao, phơi đáy ao, lấy nước mới vào ao, rắc vôi khử trùng ao

C. Tát cạn ao,bắt sạch cá còn sót lại, rắc vôi khử trùng aohút bùn và làm vệ sinh ao, phới đáy ao, , lấy nước mới vào ao,

D. Tát cạn ao,bắt sạch cá còn sót lại, hút bùn và làm vệ sinh ao , rắc vôi khử trùng ao, phơi đáy ao, lấy nước mới vào ao.

**Câu 12**. Có hình thức thu hoạch cá nào?

A. Thu tỉa B. Thu toàn bộ

C. Thu tỉa, thu toàn bộ D. Đáp án khác

**Câu 13**. Một trong những việc nên làm để bảo vệ nguồn lợi thủy sản

A. Xây dựng các khu bảo tồn biển, bảo vệ phục hồi các hệ sinh thái và phát triển nguồn lợi thủy sản

B. Tổ chức chức đánh gần bờ, mở rộng vùng khai thác xa bờ

C. Đánh bắt bằng điện

D. Thả bả độc

**Câu 14**. Đâu là việc không nên làm để bảo vệ nguồn lợi thủy sản

A. Đánh bắt thủy sản bằng lưới mắt nhỏ, và đánh bắt bằng mìn

B. Hạn chế đánh bắt gần bờ, mở rộng vùng khai thác xa bờ

C. Bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sản

D. Thả các loài thủy sản quý hiếm vào một số nội thủy, vùng vịnh ven biển

**Câu 15.** Đâu không phải nguyên tắc ghép các loài cá?

A. Tập tính ăn giống nhau

B. Sống ở các tầng nước khác nhau

C. Tận dụng được nguồn thức ăn sẵn có

D. Chống chịu tốt với điều kiện môi trường

**Câu 16**. Loài nào sau đây không thuộc loại có vảy?

A. Cá tra B. Cá rô phi C. Cá chẽm D. Cá chép

**Câu 17.**Quy trình nuôi cá trong ao nước ngọt có mấy bước?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 18**. Quản lí thức ăn thuộc bước nào trong quy trình nuôi cá ao nước ngọt?

A. Chuẩn bị ao nuôi B. Thả cá giống

C. Chăm sóc, quản lí cá sau thả D. Thu hoạch

**Câu 19**. Thông thường người ta thiết kế ao với độ sâu bao nhiêu?

A. 1m B. 2m C. 3m D. 1,5 – 2 m

**Câu 20**. Người ta thả cá vào vụ nào?

A. Vụ xuân B. Vụ thu C. Cả A và B đều đúng D. Vụ đông

**Câu 21**. Có hình thức thu hoạch cá nào?

A. Thu tỉa B. Thu toàn bộ C. Thu tỉa, thu toàn bộ D. Đáp án khác

**Câu 22**. Người ta cho cá ăn mấy lần trên ngày?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 23**. Khối lượng thức ăn chiếm bao nhiêu phần trăm so với khối với cá trong ao?

A. < 3% B. 3 – 5% C. 2% D. 6%

**Câu 24**. Yếu tố hóa học nào của nước trong ao nuôi quan trọng nhất?

A. Oxygen hòa tan B. pH C. BOD D. Kim loại nặng

**Câu 25.** Ở thủy sản có yếu tố gây bệnh nào?

A. Mầm bệnh B. Môi trường

C. Sức đề kháng của vật chủ D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 26**: Dầu cá được sản xuất từ nguyên liệu nào?

A. Xương cá B. Thịt cá C. Da cá D. Mỡ cá, gan cá

**Câu 27:** Ngành thủy sản có bao nhiêu vai trò với đời sống và nền kinh tế Việt Nam?

A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

**Câu 28**: Khoanh tròn vào các đáp án không đúng về phụ phẩm trong chế biến thủy sản.

A. Đầu cá B. Da cá C. Mỡ cá D. Phi lê thịt cá

**Câu 29:**Khu vực nào ở nước ta nuôi cá tra để xuất khẩu?

A. Đồng bằng sông Hồng B. Đồng bằng sông Cửu Long  
C. Đồng bằng Nam Trung Bộ D. Tất cả các câu trên đều đúng

**Câu 30**: Sinh vật nào có tính ăn lọc các chất hữu cơ lơ lửng?

A. Vẹm B. Hàu C. Cả A và B đều đúng D. Đáp án khác

**Câu 31:** Ý nào không phải vai trò của ngành thủy sản?

A. Cung cấp thực phẩm cho con người.  
B. Cung cấp nguyên liệu cho chế biến và xuất khẩu.  
C. Cung cấp sức kéo, phân bón.  
D. Cung cấp nguyên liệu ngành dược mĩ phẩm.

**Câu 32**: Môi trường, đặc điểm sống của tôm thẻ chân trắng là?

A. nước ngọt B. nước mặn  
C. nước lợ và nước mặn D. nước ngọt, nước lợ hoặc nước mặn

**Câu 33:** Loại tôm nào là đối tượng xuất khẩu chính ở nước ta?

A. Tôm thẻ chân trắng B. Tôm hùm  
C. Tôm càng xanh D. Tôm đồng

**Câu 34**: Nguồn lợi thủy sản của Việt Nam là?

A. Thủy sản nước mặn B. Thủy sản ngước lợ  
C. Thủy sản nước ngọt D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 35:** Loại thủy sản nào sau đây sống trong môi trường nước mặn, nước lợ?

A. Tôm đồng B. Cá chép C. Nghêu D. Cá trắm cỏ

**II. PHẦN TỰ LUẬN**

**Câu 1:**Nhà bạn An đang làm nghề trồng và cạo mũ cao su trên một diện tích đất khá rộng của gia đình. Nay gia đình bạn An muốn phát triển thêm nghề chăn nuôi gà thịt. Em hãy đề xuất cho gia đình bạn An phương thức chăn nuôi phù hợp để vừa không gây ô nhiễm môi trường vừa ít tốn chi phí nhất và giải thích vì sao em lại đề xuất phương thức chăn nuôi đó?

***Câu 2:****Gia đình bạn A có một trang trại nuôi lợn ( theo hình thức nuôi công nghiệp), em hãy đề xuất các biện pháp giúp gia đình bạn A xử lí chất thải tránh gây ô nhiệm môi trường?*

**Câu 3:**Theo em, khi nào thì thu hoạch toàn bộ? Giải thích?

**Câu 4:**Trình bày các biện pháp ngăn chặn sự xâm nhập của mầm bệnh vào ao nuôi?

***Câu 5:****Liệt kê những công việc trong phòng và trị bệnh cho vật nuôi phổ biến ở địa phương em*?

**Câu 6:**Theo em, khi nào thì thu tỉa? Giải thích?

**Câu 7:**Nêu các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi đực giống. Vật nuôi đực giống cần có đặc điểm như thế nào?

**Câu 8:**Trình bày đặc điểm Bò Vàng?

**Câu 9:**Gia đình bạn Minh ở Bến Tre có đất rộng, điều kiện tự nhiên rất phù hợp để nuôi tôm sú nên đã cải tạo ao nuôi tôm sú. Ba vụ đầu nuôi đạt kết quả tốt, thu lãi lớn. Sau thu hoạch, gia đình tranh thủ mua giống, thả nuôi ngay, kết quả từ vụ thứ tư tôm bị nhiễm bệnh và chết hàng loạt, gia đình không hiểu nguyên nhân vì sao. Em hãy vận dụng những hiểu biết về kĩ thuật nuôi để giải thích và đề xuất giải pháp khắc phục.

**Câu 10:**Thủy sản có vai trò gì đối với nền kinh tế và đời sống xã hội? Nước ta có những lợi thế gì để phát triển ngành chăn nuôi thủy sản?

**Câu 11.** Đề xuất được 2 việc nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thuỷ sản của địa phương?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Xác nhận của BGH** | **TTCM duyệt**  Nguyễn Tuấn Cường | **Người ra đề cương**  Hoàng Thị Thùy Linh |